

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018**

Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Minh Tân

Bổ nhiệm ngày 09/08/2018

Ông Vũ Thanh Sơn

Miễn nhiệm ngày 09/08/2018

Ban Giám Đốc

Ông Vũ Thanh Sơn

Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 09/08/2018

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Văn Thanh

Kế toán trưởng

Ông Vũ Văn Lượng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC - Chi nhánh Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO
Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Minh Tân

Chủ tịch

Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2019



CHỦ TỊCH

Lê Minh Tân



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: 28/2019/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 19/03/2019, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2018. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Công ty hiện đang theo dõi và hạch toán toàn bộ nguồn vốn Ngân sách cấp đầu tư tài sản cố định cho hoạt động công ích trên khoản mục “Vốn góp của chủ sở hữu” mà chưa phản ánh trên khoản mục “Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định”. Mặt khác, một số tài sản cố định được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới tiêu nước và máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình chưa được Công ty phản ánh giá trị hao mòn hàng năm; đối với tài sản có sự tăng/giảm trong năm cũng chưa được Công ty theo dõi sự biến động của nguồn vốn tương ứng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng với tình hình thực tế của Công ty, chúng tôi không thu thập được các số liệu về tình hình biến động tăng/giảm của các khoản mục này. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Từ ngày 01/07/2018 Công ty tính khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ) theo quy định tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ (Nghị định 96), chi phí khấu hao tính theo Nghị định 96 có chênh lệch với hướng dẫn tính khấu hao TSCĐ tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 và Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó chi phí khấu hao tính theo Nghị định 96 giảm hơn 586 triệu đồng.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.401.898.598	10.075.718.508
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.344.497.483	9.266.615.243
1. Tiền	111		4.344.497.483	9.266.615.243
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		900.579.940	632.012.090
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	845.348.857	756.781.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		180.000.000	-
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	6	(124.768.917)	(124.768.917)
IV. Hàng tồn kho	140		156.821.175	177.091.175
1. Hàng tồn kho	141	8	156.821.175	177.091.175
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.674.288.029	258.809.463.572
II. Tài sản cố định	220		273.600.622.529	258.791.713.572
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	273.600.622.529	258.791.713.572
- Nguyên giá	222		294.631.830.162	278.563.355.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.031.207.633)	(19.771.641.590)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		73.665.500	17.750.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	73.665.500	17.750.000
TỔNG TÀI SẢN	270		279.076.186.627	268.885.182.080

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		991.515.041	1.596.451.825
I. Nợ ngắn hạn	310		991.515.041	1.596.451.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	103.535.577	63.061.057
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	574.653.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		887.979.464	958.737.768
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		278.084.671.586	267.288.730.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	278.084.671.586	268.243.017.255
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		277.917.760.111	268.152.552.820
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		166.911.475	90.464.435
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		166.911.475	90.464.435
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	(954.287.000)
1. Nguồn kinh phí	431		-	(954.287.000)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		279.076.186.627	268.885.182.080

Lê Minh Tân
Chủ tịch
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu



CHỦ TỊCH

Lê Minh Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	31.383.288.800	32.450.677.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.383.288.800	32.450.677.800
4. Giá vốn hàng bán	11	14	26.723.705.020	27.747.948.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.659.583.780	4.702.728.979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	205.215.698	55.444.407
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.669.988.934	4.659.111.642
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		194.810.544	99.061.744
11. Thu nhập khác	31	16	342.417.000	24.000.000
12. Chi phí khác	32	17	328.588.200	9.981.200
13. Lợi nhuận khác	40		13.828.800	14.018.800
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		208.639.344	113.080.544
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	41.727.869	22.616.109
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		166.911.475	90.464.435

Lê Minh Tân
Chủ tịch
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu



CHỦ TỊCH
Lê Minh Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		31.671.342.090	32.395.367.750
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(17.019.804.368)	(15.483.974.475)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(17.095.240.865)	(13.078.191.700)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(20.701.313)	(31.809.124)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		12.497.888.000	9.780.452.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.806.779.293)	(8.638.278.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		226.704.251	4.943.565.789
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.833.539.000)	(4.881.025.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		205.215.698	55.444.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.628.323.302)	(4.825.580.593)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.479.501.291	4.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.479.501.291	4.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.922.117.760)	4.617.985.196
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	9.266.615.243	4.648.630.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	4.344.497.483	9.266.615.243

Lê Minh Tân
Chủ tịch

Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu



CHỦ TỊCH
Lê Minh Tân

(Signature of Vũ Văn Lượng)

(Signature of Tô Thanh Tùng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002766 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/11/2018.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12/256 khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 248.000.000.000 đồng.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Từ ngày 01/01/2018 – 30/6/2018, Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính; từ ngày 01/07/2018 Công ty thực hiện theo Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ. Theo đó, một số tài sản cố định trích khấu hao bao gồm: phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị, hệ thống thông tin quản lý vận hành và máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng.

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực cấp về hàng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.8 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.9 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận tính thuế năm 2018 được Công ty xác định bằng chênh lệch của tổng các khoản doanh thu, thu nhập khác với tổng giá vốn hoạt động thủy lợi và các khoản chi phí mà không xác định riêng lợi nhuận không chịu thuế (hoạt động thủy lợi) và lợi nhuận chịu thuế (lợi nhuận hoạt động tài chính và lợi nhuận khác).

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	194.056.013	212.321.813
Tiền gửi ngân hàng	4.150.441.470	9.054.293.430
Cộng	4.344.497.483	9.266.615.243

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	845.348.857	756.781.007
- Xã Trần Dương - Thủy lợi phí	89.797.917	89.797.917
- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng	689.936.940	609.111.090
- Các khoản phải thu khách hàng khác	65.614.000	57.872.000
Cộng	845.348.857	756.781.007

6. NỢ XẤU

- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi
 - Hợp tác xã Nông nghiệp Xã Trán Dương
 - Đắp đê rải cấp phối mặt đê hữu sông Thái Bình
 - Đắp đê tả đông hóa đoạn K35,8
 - Xây công thông nước xã Cộng Hiền
- Cộng**

Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
VND	VND	VND	VND
124.768.917	-	124.768.917	-
89.797.917	-	89.797.917	-
25.571.000	-	25.571.000	-
7.000.000	-	7.000.000	-
2.400.000	-	2.400.000	-
124.768.917	-	124.768.917	-

8. HÀNG TỒN KHO

Nguyên liệu, vật liệu

Cộng

Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
156.821.175	-	177.091.175	-
156.821.175	-	177.091.175	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2018	247.358.738.166	30.698.304.696	426.944.000	79.368.300	278.563.355.162
- Mua trong năm	-	1.970.252.000	-	-	1.970.252.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	14.098.223.000	-	-	-	14.098.223.000
31/12/2018	261.456.961.166	32.668.556.696	426.944.000	79.368.300	294.631.830.162
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2018	14.817.557.045	4.447.772.245	426.944.000	79.368.300	19.771.641.590
- Khấu hao trong năm	982.585.185	276.980.858	-	-	1.259.566.043
31/12/2018	15.800.142.230	4.724.753.103	426.944.000	79.368.300	21.031.207.633
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	232.541.181.121	26.250.532.451	-	-	258.791.713.572
31/12/2018	245.656.818.936	27.943.803.593	-	-	273.600.622.529

(*) Đối với các công trình sửa chữa nâng cấp trạm bơm từ Nguồn vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản và Nguồn Kinh phí sự nghiệp, Nguồn Thuỷ lợi phí của Sở Tài chính TP Hải Phòng, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định sẽ được ghi nhận tăng nguyên giá theo chi phí đã tập hợp và tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 4.311.981.050 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn	73.665.500	17.750.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	73.665.500	17.750.000
Cộng	73.665.500	17.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	29.310.290	103.300.640	78.321.790	54.289.140
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.616.109	41.727.869	29.424.781	19.919.197
- Thuế thu nhập cá nhân	19.676.600	17.125.400	23.676.600	13.125.400
- Thuế tài nguyên	6.458.058	47.311.840	37.568.058	16.201.840
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	82.425.000	82.425.000	-
- Các loại thuế khác	-	4.942.875	4.942.875	-
Cộng	63.061.057	296.833.624	256.359.104	103.535.577

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VINH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2017	253.384.531.820	66.871.382	253.451.403.202
- Tăng vốn trong năm trước	14.768.021.000		14.768.021.000
- Lãi trong năm	-	90.464.435	90.464.435
- Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(66.871.382)	(66.871.382)
31/12/2017	268.152.552.820	90.464.435	268.243.017.255
01/01/2018	268.152.552.820	90.464.435	268.243.017.255
- Tăng vốn trong năm nay	9.765.207.291	-	9.765.207.291
- Lãi trong năm	-	166.911.475	166.911.475
- Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(55.570.566)	(55.570.566)
- Điều chỉnh theo Biên bản duyet quyết toán năm 2017	-	(34.893.869)	(34.893.869)
31/12/2018	277.917.760.111	166.911.475	278.084.671.586

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	31.383.288.800	32.450.677.800
- Doanh thu Thủy lợi phí	29.254.256.000	30.704.264.000
- Doanh thu bán nước thô	2.129.032.800	1.746.413.800
Cộng	31.383.288.800	32.450.677.800

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Giá vốn bán nước thô và cấp Thủy lợi phí	26.723.705.020	27.747.948.821
Cộng	26.723.705.020	27.747.948.821

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	205.215.698	55.444.407
Cộng	205.215.698	55.444.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Thu nhập từ cho thuê đất đặt trạm viễn thông	24.000.000	24.000.000
- Tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phòng mặt bằng	318.417.000	-
Cộng	<u>342.417.000</u>	<u>24.000.000</u>

17. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí nhân công trông coi trạm viễn thông	10.171.200	9.981.200
- Tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phòng mặt bằng	318.417.000	-
Cộng	<u>328.588.200</u>	<u>9.981.200</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	208.639.344	113.080.544
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	208.639.344	113.080.544
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>41.727.869</u>	<u>22.616.109</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.344.497.483	9.266.615.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	720.579.940	632.012.090
Cộng	5.065.077.423	9.898.627.333
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	-	574.653.000
Cộng	-	574.653.000
Trạng thái ròng	5.065.077.423	9.323.974.333

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Cộng	-	-	-
01/01/2018			
Phải trả người bán và phải trả khác	574.653.000	-	574.653.000
Cộng	574.653.000	-	574.653.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.344.497.483	-	4.344.497.483
Phải thu khách hàng và phải thu khác	720.579.940	-	720.579.940
Cộng	<u>5.065.077.423</u>	<u>-</u>	<u>5.065.077.423</u>
01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.266.615.243	-	9.266.615.243
Phải thu khách hàng và phải thu	632.012.090	-	632.012.090
Cộng	<u>9.898.627.333</u>	<u>-</u>	<u>9.898.627.333</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. THÔNG TIN SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo đã được kiểm toán.



Lê Minh Tân

Chủ tịch

Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Vũ Văn Lượng

Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng

Người lập biểu



CHỦ TỊCH

Lê Minh Tân